

Số: 4188 /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Xét đề nghị của Cục Bảo vệ thực vật tại Công văn số 2342/BVTV-VP ngày 12/9/2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Bảo vệ thực vật là tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong các lĩnh vực: phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; kiểm dịch thực vật; thuốc bảo vệ thực vật; hợp tác quốc tế về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; phân bón; an toàn thực phẩm có nguồn gốc thực vật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

2. Cục Bảo vệ thực vật có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, có kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở của Cục đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Các dự thảo: luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ và các văn bản pháp luật khác về phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; kiểm dịch thực vật; thuốc bảo vệ thực vật; hợp tác quốc tế về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; phân bón; an toàn thực phẩm có nguồn gốc thực vật theo phân công của Bộ trưởng;

b) Chiến lược, cơ chế, chính sách, dự án, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm và các chương trình, đề án, dự án, công trình thuộc chuyên ngành, lĩnh vực quản lý của Cục theo phân công của Bộ trưởng.

2. Trình Bộ quyết định, chỉ thị, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật; tổ chức xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trình Bộ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo thực hiện các cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch về chuyên ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục; chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục.

4. Ban hành các văn bản cá biệt và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

5. Về phòng, chống sinh vật gây hại thực vật:

a) Trình Bộ trưởng công bố dịch, công bố hết dịch hại thực vật theo quy định; hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương dập tắt dịch, ngăn ngừa dịch lây lan sang vùng khác; đề xuất hỗ trợ chống dịch và khôi phục, phát triển sản xuất;

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo sinh vật gây hại. Hướng dẫn và chỉ đạo áp dụng biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật;

c) Xây dựng, duy trì hệ thống giám sát, cảnh báo về sinh vật gây hại thực vật;

d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất với Bộ trưởng về tình hình dịch hại;

đ) Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong phòng chống sinh vật gây hại thực vật.

6. Về kiểm dịch thực vật:

a) Trình Bộ trưởng ban hành: danh mục đối tượng kiểm dịch, danh mục đối tượng phải kiểm soát, danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch, danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam;

b) Thực hiện kiểm dịch đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật và quy định của nước nhập khẩu;

c) Tổ chức thực hiện phân tích nguy cơ dịch hại đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam;

d) Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu đối với giống cây trồng và sinh vật có ích nhập nội;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa tại địa phương trên phạm vi toàn quốc;

e) Quản lý hoạt động xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

g) Trình Bộ trưởng ban hành quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch và mẫu hồ sơ kiểm dịch; quản lý, cấp và thu hồi thẻ kiểm dịch, biển hiệu kiểm dịch; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi Bộ ban hành.

h) Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong kiểm dịch thực vật.

7. Về quản lý thuốc bảo vệ thực vật:

a) Trình Bộ ban hành: danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định pháp luật;

b) Trình Bộ loại bỏ các thuốc bảo vệ thực vật khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam theo quy định;

c) Trình Bộ về số lượng, chủng loại thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia và thực hiện quản lý, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;

d) Quản lý về đăng ký, sản xuất, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, bảo quản, quảng cáo, bao gói, ghi nhãn, sử dụng, thu hồi, tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật theo quy định;

đ) Quản lý về khảo nghiệm, thử nghiệm, chất lượng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định;

e) Hướng dẫn thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

g) Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

8. Về quản lý phân bón:

a) Trình Bộ: cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý phân bón;

b) Quản lý đăng ký, sản xuất, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu, quảng cáo, ghi nhãn và sử dụng phân bón tại Việt Nam theo quy định;

c) Quản lý về khảo nghiệm, thử nghiệm, chất lượng phân bón theo quy định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về phân bón theo quy định;

đ) Tổ chức nghiên cứu, thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về sản xuất, buôn bán phân bón; hợp tác quốc tế về lĩnh vực phân bón;

e) Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành về phân bón.

9. Quản lý an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc thực vật từ công đoạn sản xuất ban đầu đến thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh; kiểm tra an toàn thực phẩm xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Chủ trì, phối hợp xây dựng trình Bộ trưởng về chiến lược, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

b) Tổ chức giám sát, phân tích nguy cơ; truy xuất, cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục và xử lý vi phạm sự cố an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

c) Kiểm tra, công nhận hệ thống đảm bảo an toàn thực phẩm của nước xuất khẩu đối với sản phẩm có nguồn gốc thực vật. Kiểm tra an toàn thực phẩm xuất khẩu, nhập khẩu đối với sản phẩm có nguồn gốc thực vật theo quy định;

d) Công bố kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

e) Phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng.

g) Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành về an toàn thực phẩm có nguồn gốc thực vật.

10. Đầu mối phối hợp với các cơ quan chức năng của các Bộ, ngành để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo quy định.

11. Xử lý rào cản kỹ thuật về xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm có nguồn gốc thực vật theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng và hướng dẫn thực hiện nhằm tuân thủ quy định của nước nhập khẩu đối với sản phẩm có nguồn gốc thực vật.

12. Quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, an toàn thực phẩm có nguồn gốc thực vật theo quy định.

13. Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Cục và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo quy định.

14. Thực hiện nhiệm vụ về khoa học công nghệ, môi trường, khuyến nông theo quy định pháp luật và phân công của Bộ trưởng.

15. Thực hiện quản lý đầu tư xây dựng công trình về bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định của pháp luật; đề xuất trình Bộ các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

16. Chủ trì tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc chương trình phối hợp của Chính phủ, của Bộ với các tổ chức chính trị xã hội; của Bộ với các Bộ, ngành, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, các hội, hiệp hội ngành hàng về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và an toàn thực phẩm có nguồn gốc thực vật.

17. Tổ chức chỉ đạo công tác điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

18. Thực hiện hợp tác quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế và các chương trình, dự án quốc tế theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

19. Về cải cách hành chính:

a) Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch, đề án cải cách hành chính của Bộ và quy định của pháp luật.

b) Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

20. Về quản lý tổ chức, hoạt động dịch vụ công:

a) Trình Bộ cơ chế, chính sách về cung ứng dịch vụ công; thực hiện xã hội hoá các hoạt động cung ứng dịch vụ công; định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và các quy định về dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của Cục;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức thực hiện dịch vụ công trong ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

21. Hướng dẫn, kiểm tra đối với hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Cục; tham gia ý kiến về công nhận Ban vận động thành lập Hội và Điều lệ Hội theo quy định.

22. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, danh mục vị trí việc làm; cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng. Thực hiện chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của Cục theo quy định.

23. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng.

24. Quản lý tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao; tổ chức quản lý việc thu, sử dụng phí, lệ phí thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật.

25. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Bộ trưởng.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Cục: có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

a) Cục trưởng có trách nhiệm: trình Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục; ban hành Quy chế làm việc của Cục; quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức tham mưu thuộc Cục; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập (các tổ chức có tư cách pháp nhân) thuộc Cục sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của các tổ chức trực thuộc Cục theo phân cấp của Bộ trưởng và quy định của pháp luật;

b) Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về hoạt động của Cục. Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác theo sự phân công của Cục trưởng; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Các tổ chức tham mưu:

a) Văn phòng Cục (có bộ phận thường trực phía Nam);

b) Phòng Kế hoạch, Tổng hợp;

c) Phòng Tài chính;

d) Phòng Bảo vệ thực vật;

đ) Phòng Kiểm dịch thực vật;

e) Phòng Thuốc bảo vệ thực vật;

g) Phòng Quản lý phân bón;

h) Phòng An toàn thực phẩm và Môi trường;

i) Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông;

k) Phòng Pháp chế, Thanh tra.

3. Các cơ quan trực thuộc:

a) Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, trụ sở đặt tại số 2 Trần Quang Khải, thành phố Hải Phòng;

b) Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng II, trụ sở đặt tại số 28 Mạc Đĩnh Chi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

c) Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng III, trụ sở đặt tại số 466 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;

d) Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng IV, trụ sở đặt tại số 66 Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

đ) Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng V, trụ sở đặt tại số 7A Lê Văn Hiến, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

e) Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng VI, trụ sở đặt tại số 28 Trần Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

g) Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng VII, trụ sở đặt tại số 98B Ngô Quyền, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;

h) Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng VIII, trụ sở đặt tại số 7 đường Nguyễn Huệ, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;

i) Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng IX, trụ sở đặt tại số 386B đường Cách mạng Tháng 8, thành phố Cần Thơ.

4. Các đơn vị sự nghiệp:

a) Trung tâm Bảo vệ thực vật phía Bắc, trụ sở đặt tại xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;

b) Trung tâm Bảo vệ thực vật khu IV, trụ sở đặt tại số 28 Trần Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

c) Trung tâm Bảo vệ thực vật miền Trung, trụ sở đặt tại Núi Bút, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

d) Trung tâm Bảo vệ thực vật phía Nam, trụ sở đặt tại xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

đ) Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phía Bắc, trụ sở đặt tại số 7A Lê Văn Hiến, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

e) Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phía Nam, trụ sở đặt tại số 28 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

g) Trung tâm Khảo kiểm nghiệm phân bón Quốc gia, trụ sở đặt tại 65 Sa Đôi, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

h) Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu I; trụ sở đặt tại phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

i) Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu II, trụ sở đặt tại 28 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và 135A Pasteur, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

k) Trung tâm Giám định Kiểm dịch thực vật, trụ sở đặt tại số 7A Lê Văn Hiến, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Cục Bảo vệ thực vật quy định tại Khoản 3, 4 Điều này có con dấu, tài khoản riêng và kinh phí hoạt động theo quy định.

Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật có trách nhiệm sắp xếp, tổ chức lại tổ chức theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan;
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tư pháp;
- UBND, Sở NN và PTNT các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đảng ủy Bộ;
- Công đoàn Nông nghiệp và PTNT Việt Nam;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Đoàn TNCS. Hồ Chí Minh cơ quan Bộ;
- Công đoàn Bộ;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG



[Handwritten signature]

Lê Minh Hoan